

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-PT

Ngày: 16-9-2021

V/v Tranh chấp chia di sản  
thừa kế theo di chúc và theo  
pháp luật

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hàng Lâm Viên**

*Các Thẩm phán:* Bà **Phạm Thị Anh Trang**

Bà **Trần Thị Dịu**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:**

Ông Ngô Văn Nghị – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 26/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1970 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1966 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

*3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1953 (*vắng mặt*);

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1955 (*có mặt*);

3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh V1, sinh năm 1958 (*vắng mặt*);

3.4. Bà Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1960 (*vắng mặt*);

3.5. Bà Nguyễn Thị Xuân L2, sinh năm 1961 (*có mặt*);

3.6. Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1963 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.7. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1968 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn Hộ Diêm, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.8. Bà Nguyễn Thị Hương T1, sinh năm 1972 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn Đá Bẩn, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.9. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1974 (*có mặt*);

3.10. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1976 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:**

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn C (chết năm 2008) và bà Phan Thị D (chết năm 2000) sinh được 12 người con là: Nguyễn Thị K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh V1, Nguyễn Ngọc L1, Nguyễn Thị Xuân L2, Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Hương T1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Thu T3 và Nguyễn Ngọc V. Cha mẹ bà chết có để lại tài sản là 6.000m<sup>2</sup> đất nhận khoán, 3.000m<sup>2</sup> đất nhận chuyển nhượng và 870m<sup>2</sup> đất (nay đo đạc lại là 863m<sup>2</sup>), trên đất có căn nhà cấp 4.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2018 (BL 181), biên bản hòa giải ngày 19/12/2019 (BL220, 221) bà O thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất số 151 diện tích 870m<sup>2</sup> (theo đo đạc lại là 863m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 13d xã H, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N. Đối với 6.000m<sup>2</sup> đất nhận

khoán, 3.000m<sup>2</sup> đất nhận chuyển nhượng bà đang thu thập chứng cứ để khởi kiện sau.

Nguồn gốc thửa đất số 151 có diện tích 870m<sup>2</sup> (theo đo đạc lại là 863m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 13d xã H, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N là do cha mẹ bà tạo lập. Khi cha bà còn sống đã lập di chúc phân chia đối với thửa đất này cho cho ông Nguyễn Văn Đ 01 lô diện tích 127m<sup>2</sup>, chia cho bà Nguyễn Ngọc L1 01 lô diện tích 161m<sup>2</sup> (hiện nay ông Đ và bà L1 đã xây nhà ở); sân xi măng để làm lối đi chung và sân phơi lúa không được bán hay chia. Phần đất còn lại (trừ phần chia cho ông Đ, bà L1 và sân phơi lúa) và toàn bộ tài sản (gồm 01 căn nhà cấp 4 và các vật dụng trong nhà, 02 cây me lớn) thì chia cho ông Nguyễn Ngọc V. Mẹ bà chết không để lại di chúc. Bà thấy việc cha bà tự ý quyết định chia toàn bộ tài sản trên là không đúng. Ngoài ra khi cha mẹ bà còn sống đã cho bà Nguyễn Thị K 01 lô (chỉ nói miệng, không có giấy tờ) và bà K đã cất nhà ở từ khi cha mẹ bà còn sống đến nay mà cha bà không đề cập đến trong di chúc. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 863m<sup>2</sup> như sau: Đối với diện tích đất cha bà cho ông Đ 127m<sup>2</sup>, bà L1 161m<sup>2</sup>, đất và căn nhà của bà K, căn nhà cha mẹ bà để lại cho ông V bà không yêu cầu Tòa án chia. Bà yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất còn lại cho 12 người con theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu nhận phần của bà bằng hiện vật là đất. Việc cho bà K đất để làm nhà thì cha mẹ bà chỉ nói miệng, không lập văn bản nhưng bà K đã làm nhà đất và ở trên đất từ khi được cho (khoảng năm 1985, bà không nhớ chính xác), cho đến khoảng năm 2012 (sau khi cha bà chết) thì bà K được các con đón đi Sài Gòn giữ cháu cho đến nay. Bản thân bà và các anh chị em gồm: K, O, T3, H, T2, P, L, V1, T1 đều có nhà riêng và ở ngoài. Bà K, bà L1, ông Đ có nhà nằm trên diện tích đất 863m<sup>2</sup>. Ông V đang sử dụng căn nhà cha mẹ bà để lại.

**Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày:**

Ông thống nhất về quan hệ gia đình, các anh chị em, nguồn gốc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 13d diện tích 870m<sup>2</sup> (nay đo đạc lại còn 863m<sup>2</sup>) tại L, H như bà O trình bày là đúng. Mẹ ông chết năm 2000 không để lại di chúc. Cha ông chết năm 2008. Khi cha ông còn sống đã lập di chúc ngày 20/01/2008 phân chia đối với thửa đất này cụ thể là: cho ông Nguyễn Văn Đ 01 lô diện tích 127m<sup>2</sup>, chia cho bà Nguyễn Ngọc L1 01 lô diện tích 161m<sup>2</sup>, hiện nay ông Đ, bà L1 đã xây nhà ở; sân xi măng để làm lối đi chung và sân phơi lúa không được bán hay chia; Phần đất còn lại (trừ phần chia cho ông Đ, bà L1 và sân phơi lúa)

và toàn bộ tài sản (gồm 01 căn nhà cấp 4 và các vật dụng trong nhà, 02 cây me lớn) thì chia cho ông.

Đối với căn nhà đất của bà K là do cha mẹ ông thấy bà K khổ nên cho dựng lên để buôn bán chứ chưa cho. Việc bà O yêu cầu chia thừa kế như trên ông không đồng ý vì diện tích 863m<sup>2</sup> đất này cha ông đã lập di chúc để phân chia thì cứ theo di chúc mà thực hiện. Về việc bà O cho rằng di chúc của cha ông không đúng vì có phần tài sản của mẹ ông nếu Tòa án chấp nhận thì giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của mẹ ông, nếu ông được nhận kỷ phần thì ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất. Hiện nay ngoài căn nhà cấp 4 ông đang ở trên đất tranh chấp ông không có chỗ ở nào khác.

**Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày:**

Bà đồng ý về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp. Khi cha mẹ bà còn sống đã cho bà (nói miệng) diện tích đất sát mặt đường quốc lộ và bà đã dựng căn nhà đất từ năm 1990, bà buôn bán tại căn nhà này cho đến năm 2012 thì đi Sài Gòn trông cháu cho đến nay. Đất của ông Đ cũng được cho khi cha mẹ bà còn sống, riêng bà L1 thì bà không biết cha mẹ cho khi nào. Hiện nay bà cũng có 01 căn nhà đã xây dựng ở L, H để ở. Nếu di chúc của cha bà trừ phần đất đã cho bà ra mới chia thì bà đồng ý chia phần sân xi măng và sân phơi lúa theo quy định của pháp luật. Khi Tòa án phân chia di sản thừa kế bà yêu cầu nhận hiện vật là phần đất có căn nhà đất của bà.

**Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh V1 trình bày:**

Bà đồng ý về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp. Việc tranh chấp thừa kế do bà O khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu bà được nhận kỷ phần thì bà yêu cầu nhận hiện vật là đất và tặng cho bà Nguyễn Ngọc L1.

**Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Ông đồng ý về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp. Khi cha mẹ còn sống đã cho ông (nói miệng) diện tích đất sát mặt đường trong thôn và ông đã dựng căn nhà cấp 4 và sinh sống tại đây cho đến nay. Nếu Tòa án phân chia di sản thừa kế ông yêu cầu nhận hiện vật là phần đất trên có căn nhà của ông.

**Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc L1 trình bày:**

Bà đồng ý về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp. Về việc bà O cho rằng di chúc của cha bà không đúng vì còn có phần tài sản của mẹ bà nếu Tòa án chấp nhận thì bà đề nghị chia thừa kế theo di chúc phần di sản của cha bà cho ông V và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của mẹ bà cho các anh chị em, bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất có căn nhà cấp 4 bà đã xây dựng vì bà không có chỗ ở nào khác.

**Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các bà Nguyễn Thị Xuân L2, Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Hương T1, Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:**

Các bà đồng ý với di chúc ngày 20.01.2008 của cha các bà là ông Nguyễn Văn C. Đề nghị Tòa án chia theo di chúc cho ông Nguyễn Ngọc V. Hiện nay các bà cũng đều có nhà riêng do tự xây dựng. Đối với phần di sản của mẹ các bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu các bà được nhận thì yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất và tặng cho bà Nguyễn Ngọc L1.

**Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu T3 trình bày:**

Các bà đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị Hoàng O. Hiện nay các bà cũng đều có nhà riêng do tự xây dựng. Nếu Tòa án chia thừa kế thì các bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:**

Căn cứ vào: Các điều 634, 635, 650, 657, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự 2005; Các điều 100, 203 Luật đất đai 2013; Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 12, 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên bố:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế theo di chúc, chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 863m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 13d xã H, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 6.000m<sup>2</sup> đất nhận khoán, 3.000m<sup>2</sup> đất nhận chuyển nhượng. Các đương sự có quyền khởi kiện lại trong vụ án khác.

**Tuyên xử:**

1. Giao cho bà Nguyễn Ngọc L1 quản lý, sử dụng 174m<sup>2</sup> đất trong đó gồm: 75 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 99 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (trong đó có 10 m<sup>2</sup> thuộc hành lang đường bộ) thuộc thửa đất số 328 tờ BĐ ĐC số 13d xã H tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận tương ứng là các điểm CDEFJKPONMQ trong trích lục bản đồ địa chính ngày 14/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N.

2. Giao cho ông Nguyễn Văn Đ quản lý, sử dụng 141m<sup>2</sup> đất trong đó gồm: 50 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 91m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (trong đó có 13,5 m<sup>2</sup> thuộc hành lang đường bộ) thuộc thửa đất số 330 tờ BĐ ĐC số 13d xã H tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận tương ứng là các điểm KLMNOP trong trích lục bản đồ địa chính ngày 14/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N.

3. Giao cho các bà Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Thu T3 quản lý, sử dụng 159 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (trong đó có 147 m<sup>2</sup> thuộc hành lang đường bộ) thuộc thửa đất số 329 tờ BĐ ĐC số 13d xã H tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận tương ứng là các điểm FGHIJ trong trích lục bản đồ địa chính ngày 14/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N.

4. Giao ông V sở hữu, quản lý, sử dụng 01 căn nhà cấp 4c gắn liền với 389 m<sup>2</sup> đất trong đó: gồm 175 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 214 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (trong đó 164 m<sup>2</sup> thuộc hành lang đường bộ) thuộc thửa đất số 327 tờ BĐ ĐC số 13d xã H tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận tương ứng là các điểm ABCDEFGH trong trích lục bản đồ địa chính ngày 14/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh N. Ông Nguyễn Ngọc V được sở hữu các tài sản của ông V xây dựng trên đất: chuồng bò, nhà bếp, nhà vệ sinh.

5. Buộc bà Nguyễn Thị K phải tháo dỡ căn nhà đất mái tôn trên phần đất được giao cho ông Nguyễn Ngọc V.

6. Ông Nguyễn Ngọc V phải hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc L1 9.470.400 đồng (Chín triệu bốn trăm bảy mươi ngàn bốn trăm đồng); hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 6.616.600 đồng (Sáu triệu sáu trăm mười sáu ngàn sáu trăm đồng).

7. Ông Nguyễn Văn Đ phải hoàn trả cho các bà Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Thu T3, Nguyễn Thị K mỗi người là 7.860.100 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi ngàn một trăm đồng); hoàn cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 1.243.500 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Các đương sự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2020/QĐ-SCBSBA ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện N sửa chữa bổ sung phần án phí.

Ngày 12/10/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 236/QĐKNPT-VKS-DS ngày 14/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, nội dung kháng nghị: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Thời hạn kháng cáo cũng như kháng nghị trong thời hạn nên được Cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu kháng cáo và nội dung kháng nghị:

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định không chính xác di sản, đưa phần đất của bà Nguyễn Ngọc L1, ông Nguyễn Văn Đ vào để chia thừa kế xâm phạm đến quyền lợi của họ vì các phần đất này khi còn sống vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D đã phân chia cho ông Đ, bà L1.

+ Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định diện tích sân và sân phơi lúa để cho các đồng thừa kế dùng chung theo di chúc ông C lập dẫn đến xâm phạm quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

+ Giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã thẩm định, xác định phần đất của ông Đ, bà L1, phần đất sân và sân phơi lúa nên VKS đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng O; Chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện N theo hướng sửa bản án sơ thẩm: Xác định di sản thừa kế là căn nhà cấp 4c cộng diện tích đất sau khi trừ phần đất đã cho ông Đ, cho bà L1 là tài sản chung của ông C, bà D. Chia thừa kế di sản của bà D theo pháp luật cho ông C và 12 người con. Di sản của ông C được trừ đi phần sân; phần đất, nhà còn lại chia cho ông V theo di chúc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Mỹ P, bà Nguyễn Thị Thanh V1, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử vụ án theo ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 296 khoản 3 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Hoàng O (Bà O) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn – Ông Nguyễn Ngọc V (ông V) giữ nguyên ý kiến chia thừa kế theo di chúc. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[1.3] Kiểm sát viên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND huyện N theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

#### **[2] Các đương sự tranh luận:**

[2.1] Bà O cho rằng di sản của ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D gồm nhà và đất đang tranh chấp phải được chia đều theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế của ông C, bà D. Bà O và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng theo yêu cầu khởi kiện của bà O đề nghị được chia kỹ phần bằng quyền sử dụng đất; Phản đối di chúc do ông Nguyễn Văn C lập ngày 20/01/2008. Bà O xác định yêu cầu kháng cáo chính là để bảo vệ quyền lợi cho bà K, bà K phải được chia một lô đất vì khi cha, mẹ còn sống đã cho bà K đất nhưng không lập giấy tặng cho.

[2.2] Ông V cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng theo ý kiến của ông V đề nghị Tòa án công nhận di chúc do ông C lập



ngày 20/01/2008 và chia thừa kế theo di chúc; Riêng di sản của bà D thì chia theo pháp luật.

[2.3] Các đương sự cùng thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D; Thừa nhận ông C, bà D sinh được 12 người con, không có con nuôi hoặc con riêng, họ và tên 12 người con chung gồm: Nguyễn Thị K (1953), Nguyễn Văn Đ (1955), Nguyễn Thị Thanh V1 (1958), Nguyễn Ngọc L1 (1960), Nguyễn Thị Xuân L2 (1961), Nguyễn Thị Mỹ P (1963), Nguyễn Ngọc V (1966), Nguyễn Thị Thanh H (1968), Nguyễn Thị Hoàng O (1970), Nguyễn Thị Hương T1 (1972), Nguyễn Thị Thanh T2 (1974), Nguyễn Thị Thu T3 (1976). Các đương sự cũng thừa nhận bà Phan Thị D chết ngày 24/11/2000; Ông Nguyễn Văn C chết ngày 10/3/2008.

### **[3] Xét nội dung kháng cáo, kháng nghị và yêu cầu khởi kiện:**

[3.1] Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D; Xác định di sản của ông C, bà D

[3.1.1] Các đương sự xác định đối tượng tranh chấp trong vụ án là quyền sử dụng thửa đất số 151 tờ bản đồ 13d thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, diện tích là 863m<sup>2</sup> và một căn nhà cấp 4C. Các đồng thừa kế đều thừa nhận đây là tài sản do ông C, bà D tạo lập. Các đồng thừa kế cũng thừa nhận thời điểm ông C, bà D còn sống đã cho riêng ông Nguyễn Văn Đ (ông Đ) bà Nguyễn Ngọc L1 (bà L1) mỗi người một phần diện tích đất trong tổng diện tích 863m<sup>2</sup>, sau đó ông Đ, bà L1 xây nhà và vật kiến trúc sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Phần diện tích đất của ông Đ, bà L1 được tất cả các đương sự thừa nhận dựa trên kết quả thẩm định đất theo trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, theo đó bà L1 đang sử dụng thửa đất số 328 diện tích 174m<sup>2</sup>; Ông Đ đang sử dụng thửa đất số 330 diện tích 141m<sup>2</sup>. Như vậy phần đất của ông Đ, bà L1 đã được vợ chồng ông C, bà D định đoạt khi còn sống nên đã phát sinh hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm đưa diện tích đất của ông Đ, bà L1 vào để giải quyết chia thừa kế trong vụ án đã xâm phạm đến quyền lợi của họ. Vì vậy VKSND huyện N kháng nghị đối với nội dung này là có căn cứ.

[3.1.2] Biên bản hòa giải ngày 19/12/2019 tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự xác định căn nhà cấp 4C và nhà vệ sinh cũng là tài sản chung của ông C, bà D. Trong di chúc chỉ đề cập đến đất, căn nhà, các vật dụng trong nhà, hai cây me. Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự chỉ tranh chấp căn nhà cấp 4C và đất nên các tài sản khác Tòa án không giải quyết. Nhà bếp, chuồng bò là tài sản riêng của ông Nguyễn Ngọc V.

[3.1.3] Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D hiện còn gồm:

- 548m<sup>2</sup> đất trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở x 600.000đ = 180.000.000đ; Diện tích đất nông nghiệp là 248m<sup>2</sup> x 52.400đ = 12.995.200đ.

- Căn nhà ở cấp 4C kết cấu móng đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch quét vôi không sơn, cửa gỗ, mái tôn xà gỗ, diện tích 57m<sup>2</sup> tỷ lệ còn lại 40%, có giá trị: 57m<sup>2</sup> x 40% x 2.150.000đ = 49.020.000đ.

Như vậy: Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D trị giá 242.015.200đ.

[3.1.4] Quyền sử dụng 548m<sup>2</sup> đất hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai huyện N có văn bản xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, được công nhận quyền sử dụng; Vị trí đất ở được xác định gắn với nhà cấp 4C. Vì vậy tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D được chia đôi, phần của mỗi người trị giá 121.007.600đ. Bà D chết năm 2000 (chết trước ông C), không di chúc định đoạt tài sản nên tài sản của bà D được xác định là di sản để chia thừa kế theo pháp luật cho ông C cùng 12 người con, mỗi người được nhận 9.308.277đ. Tài sản của ông C được xác định là 130.315.877đ.

[3.1.5] Ngày 20/01/2008, ông Nguyễn Văn C lập di chúc “để lại cho ông Nguyễn Ngọc V toàn bộ diện tích còn lại (trừ phần đất của ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Ngọc L1 do vợ tôi đã chia trước đây và sân phơi lúa) và tài sản gồm 01 căn nhà xây và các vật dụng gia đình, 02 cây Me lớn. Nguyễn Ngọc V có nhiệm vụ chăm sóc nuôi tôi đến chết”. “Sân xi măng dùng làm lối đi chung và sân phơi lúa, không được bán hoặc chia cho ai”. Trong di chúc, ông Nguyễn Văn C xác định diện tích đất đã cho ông Đ là 127m<sup>2</sup>, diện tích đất đã cho bà L1 là 161m<sup>2</sup>. Di chúc của ông C do người làm chứng lập giúp, người làm chứng và ông Nguyễn Văn C cùng ký vào di chúc, ngoài ra ông Nguyễn Văn C còn lấn tay vào di chúc. Sau đó, do người lập di chúc yêu cầu chứng thực di chúc nên UBND xã H tiến hành xác minh ý chí và năng lực hành vi của ông C để chứng thực di chúc của ông Nguyễn Văn C vào ngày 03/3/2008. Hình thức di chúc của ông C phù hợp các Điều 649, 650, 652 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nội dung của di chúc phù hợp các Điều 653, 654, 656, 657 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn C trị giá 130.315.877đ tương ứng 7/13 diện tích nhà ở; 161,5m<sup>2</sup> đất ở; 133,5m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.

[3.1.6] Trong di chúc ông C thể hiện ý chí “...trừ phần đất của ông Nguyễn Văn Đ 127m<sup>2</sup>, Nguyễn Ngọc L1 161m<sup>2</sup> do vợ tôi đã chia trước đây và

*sân phơi lúa*”. Như vậy, nội dung này được hiểu là thời điểm bà D còn sống đã cho bà L1 và ông Đ đất. Việc bà D cho bà L1, ông Đ đất thì ông C cũng nhất trí nên phát sinh hiệu lực chung vì đây là tài sản chung của vợ chồng. Bên cạnh đó, các đồng thừa kế cùng thừa nhận ông Đ, bà L1 đã được cho đất, sau đó họ xây nhà ở và không ai tranh chấp. Sân phơi lúa các đương sự xác định nằm phía trước nhà chính. Đến thời điểm tranh chấp, ông Đ xây dựng nhà, vòng thành bao quanh và sử dụng diện tích 141m<sup>2</sup>, bà L1 xây dựng nhà, vòng thành bao quanh và sử dụng diện tích 174m<sup>2</sup>. Diện tích này khác so với diện tích được ghi nhận trong di chúc nhưng ông Đ, bà L1 đã xây dựng nhà ở, vòng thành không ai tranh chấp nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông Đ, bà L1 được sử dụng diện tích theo diện tích thực tế đang sử dụng.

[3.1.7] Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai huyện N có văn bản xác định 300m<sup>2</sup> đất ở là phần đất gắn căn nhà cấp 4C. Đối chiếu sơ họa phần sân phơi và sân trong di chúc với kết quả thẩm định đất theo trích lục ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Tòa án cấp phúc thẩm xác định phần đất ở là thửa số 354 diện tích 304m<sup>2</sup> (300m<sup>2</sup> đất ở và 4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp). Ông C chỉ có quyền định đoạt phần diện tích đất nông nghiệp để làm sân sử dụng chung là 133,5m<sup>2</sup> và chỉ có quyền định đoạt phần diện tích đất ở 161,5m<sup>2</sup> cũng như 7/13 diện tích căn nhà. Ông Nguyễn Văn C lập di chúc định đoạt toàn bộ nhà và đất cho ông V đã vượt quá phạm vi phần tài sản của ông nên phần tài sản ông C định đoạt vượt quá sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Kết quả thẩm định đất của Tòa án cấp phúc thẩm thì diện tích đất gắn với căn nhà chính được đo, vẽ là thửa đất số 354 diện tích 304m<sup>2</sup> (300m<sup>2</sup> đất ở và 4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp); Đất nông nghiệp còn lại được xác định gồm hai thửa: Thửa số 327 diện tích 134m<sup>2</sup> và thửa 329 diện tích 110m<sup>2</sup>.

[3.2] Xét yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất của các đồng thừa kế

[3.2.1] Di chúc ông Nguyễn Văn C phát sinh hiệu lực đối với phần di sản của ông C nên bà Nguyễn Thị Hoàng O yêu cầu hủy toàn bộ di chúc của ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ. Phần di sản của bà Phan Thị D được chia thừa kế theo pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng O được chấp nhận một phần. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ cho rằng bà Nguyễn Thị K không được ông C, bà D phân chia đất khi ông C, bà D còn sống. Bà Nguyễn Thị K không kháng cáo bản án sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng việc lập luận, đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3.2.2] Các đồng thừa kế đều thừa nhận 11 người con của ông C, bà D đã có nhà ở ổn định; Riêng ông Nguyễn Ngọc V chưa có nhà, hiện nay ở căn nhà đang tranh chấp và đang quản lý đất nên Tòa án cấp phúc thẩm giao cho ông V thừa đất số 354 diện tích  $304\text{m}^2$  gắn với căn nhà chính. Bà K được giao thừa đất nông nghiệp số 329 diện tích  $110\text{m}^2$ . Thừa đất nông nghiệp 327 diện tích  $134\text{m}^2$  được sử dụng làm nơi sử dụng chung của các đồng thừa kế. Các kỷ phần thừa kế khác được nhận bằng tiền.

#### **[4] Phân chia thừa kế và thực hiện nghĩa vụ của các đồng thừa kế.**

[4.1] Diện tích đất nông nghiệp của thừa đất số 327 diện tích  $134\text{m}^2$  dùng làm nơi sử dụng chung cho 12 người thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, ông C chỉ được định đoạt trong phạm vi  $133,5\text{m}^2$  nên các đồng thừa kế phải được trừ giá trị chênh lệch  $0,5\text{m}^2$  trị giá 26.200đ được chia đều cho 12 người thừa kế nên kỷ phần thừa kế mỗi người giảm 2.183đ.

[4.2] Ông Nguyễn Ngọc V được giao  $300\text{m}^2$  ( $300\text{m}^2$  đất ở và  $4\text{m}^2$  đất nông nghiệp) thuộc thừa đất số 354, được nhận căn nhà cấp 4C. Nhà bếp và chuồng bò thuộc tài sản riêng của ông V.

- Tổng giá trị tài sản ông V được Tòa án giao là 229.229.600đ.

- Kỷ phần của ông V gồm: 9.306.277đ được nhận thừa kế của bà D và 123.320.477đ được nhận thừa kế theo di chúc của ông C (130.315.877đ trừ giá trị đất nông nghiệp làm nơi sử dụng chung là 6.995.400đ). Tổng cộng kỷ phần của ông V trị giá 132.628.754đ. Do đó, ông V phải thanh toán cho các kỷ phần khác 96.600.846đ.

[4.3] Bà Nguyễn Thị K được giao thừa đất số 329 diện tích  $110\text{m}^2$  trị giá 5.764.000đ. So với kỷ phần bà K được nhận 9.308.277đ thì còn thiếu 3.544.277đ nên ông V phải thanh toán cho bà K 3.542.000đ ( $3.544.277\text{đ} - 2.183\text{đ}$ ).

[4.4] Các bà Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền là 9.308.277đ nên ông V phải thanh toán cho các bà H, Oanh, Thu và ông Đ mỗi người 9.308.277đ sau khi trừ 2.183đ thì mỗi người được nhận 9.306.000đ.

[4.5] Bà Nguyễn Ngọc L1 được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền là 9.308.277đ và được các bà Nguyễn Thị Thanh V1, Nguyễn Thị Xuân L2, Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Hương T1 tặng cho kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 9.308.277đ sau khi trừ mỗi kỷ phần 2.183đ thì bà L1

được nhận tổng số tiền 55.836.000; Ông V phải thanh toán cho bà L1 55.836.000đ.

[4.6] Thừa đất số 327 diện tích 134m<sup>2</sup> được sử dụng chung của các đồng thừa kế: Nguyễn Thị K (1953), Nguyễn Văn Đ (1955), Nguyễn Thị Thanh V1 (1958), Nguyễn Ngọc L1 (1960), Nguyễn Thị Xuân L2 (1961), Nguyễn Thị Mỹ P (1963), Nguyễn Ngọc V (1966), Nguyễn Thị Thanh H (1968), Nguyễn Thị Hoàng O (1970), Nguyễn Thị Hương T1 (1972), Nguyễn Thị Thanh T2 (1974), Nguyễn Thị Thu T3 (1976); không được bán hoặc chia cho ai. Bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ tháo dỡ nhà chòi tạm bằng gỗ tạp, mái tôn cũ trên thừa đất.

[4.7] Cây me, các vật dụng gia đình, nhà vệ sinh các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nhà bếp, chuồng nuôi bò thuộc sở hữu riêng của ông V trên thừa đất số 354.

**[5] Nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá:** Tổng số tiền thẩm định, định giá tại giai đoạn sơ thẩm 5.000.000đ, phúc thẩm 4.770.000đ, tổng cộng 9.770.000đ do bà O nộp tạm ứng. Các đương sự phải chịu chi phí tương ứng với kỷ phần được nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể như sau:

[5.1] Các bà H, Oanh, Thảo và ông Đ mỗi người phải chịu 367.000đ và phải hoàn trả cho bà O, phần nghĩa vụ của bà O được trừ vào tạm ứng.

[5.2] Bà Nguyễn Ngọc L1 phải chịu 2.202.000đ và phải hoàn trả số tiền này cho bà O.

[5.3] Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu: 6.100.000đ và phải hoàn trả số tiền này cho bà O.

**[6] Nghĩa vụ chịu án phí:**

[6.1] Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng kỷ phần được chia thừa kế theo quy định tại khoản 2 Điều 147, theo đó:

[6.1.1] Ông V phải chịu:  $132.628.700đ \times 5\% = 6.631.000đ$ .

[6.1.2] Bà O, bà H, bà T3, mỗi người phải chịu:  $9.306.000 \times 5\% = 465.000đ$ .

[6.1.3] Ông Đ, bà L1, bà K được miễn án phí vì là người cao tuổi.

[6.2] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà O được chấp nhận một phần nên bà O không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 308 khoản 2 của BLTTDS sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Các điều 634, 635, 650, 657, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự 2005; Các điều 100, 203 Luật đất đai 2013; Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 12, 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận nội dung thay đổi kháng nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng O. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật. Chia thừa kế theo pháp luật và chia thừa kế theo di chúc đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D đối với một phần diện tích của thửa đất số 151, tờ bản đồ số 13d xã H, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị D để chia thừa kế theo pháp luật và chia thừa kế theo di chúc là thửa đất số 354 diện tích 304m<sup>2</sup> gắn căn nhà ở cấp 4C; Thửa đất số 327 diện tích 134m<sup>2</sup>; Thửa đất số 329 diện tích 110m<sup>2</sup> theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận đính kèm bản án phúc thẩm. Thửa đất số 328 diện tích 174m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Ngọc L1; Thửa đất số 330 diện tích 141m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 6.000m<sup>2</sup> đất nhận khoán, 3.000m<sup>2</sup> đất nhận chuyển nhượng. Các đương sự có quyền khởi kiện lại các yêu cầu đã rút bằng vụ án khác.

**2.** Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Phan Thị D và chia thừa kế theo di chúc đối với di sản của ông Nguyễn Văn C đối với: Thửa đất số 354 diện tích 304m<sup>2</sup> gắn căn nhà ở cấp 4C kết cấu móng đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch quét vôi không sơn, cửa gỗ, mái tôn xà gỗ, diện tích 57m<sup>2</sup> tỷ lệ còn lại 40%; Thửa đất số 327 diện tích 134m<sup>2</sup>; Thửa đất số 329 diện tích 110m<sup>2</sup> theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

**2.1.** Giao cho ông Nguyễn Ngọc V được quyền sở hữu căn nhà ở cấp 4C kết cấu móng đá chẻ, nền xi măng, tường xây gạch quét vôi không sơn, cửa gỗ, mái tôn xà gỗ, diện tích 57m<sup>2</sup> tỷ lệ còn lại 40%; Được quyền sử dụng thửa đất số

354 diện tích 304m<sup>2</sup> trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp; Vị trí, cự ly cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm: B, C, D, O, N, M, L theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Ông Nguyễn Ngọc V hiện nay đang chiếm hữu, sử dụng nhà và đất nêu trên. Phần nhà bếp, chuồng nuôi bò trên thửa đất thuộc tài sản riêng của ông V. Nhà vệ sinh và hai cây me tạm giao cho ông Nguyễn Ngọc V sử dụng.

2.2. Giao cho bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng thửa đất 329 diện tích 110m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp; vị trí, cự ly cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm: L, M, I, J theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Ông Nguyễn Ngọc V phải có nghĩa vụ giao thửa đất này cho bà Nguyễn Thị K.

2.3. Thửa đất số 327 diện tích 134m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp; Vị trí, cự ly cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm: A, B, L, J, K theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận hiện nay ông Nguyễn Ngọc V đang sử dụng được dùng chung cho các đồng thừa kế gồm: Nguyễn Thị K (1953), Nguyễn Văn Đ (1955), Nguyễn Thị Thanh V1 (1958), Nguyễn Ngọc L1 (1960), Nguyễn Thị Xuân L2 (1961), Nguyễn Thị Mỹ P (1963), Nguyễn Ngọc V (1966), Nguyễn Thị Thanh H (1968), Nguyễn Thị Hoàng O (1970), Nguyễn Thị Hương T1 (1972), Nguyễn Thị Thanh T2 (1974), Nguyễn Thị Thu T3 (1976); Không được bán hoặc chia cho ai. Bà Nguyễn Thị K phải có nghĩa vụ tháo dỡ chòi tạm bằng cây gỗ tạp, mái tôn cũ đang tồn tại trên thửa đất này.

2.4. Bà Nguyễn Ngọc L1 được nhận kỷ phần thừa kế của bà L1 được chia và được nhận kỷ phần của các bà Nguyễn Thị Thanh V1, Nguyễn Thị Xuân L2, Nguyễn Thị Mỹ P, Nguyễn Thị Hương T1, Nguyễn Thị Thanh T2 tặng, cho; Tổng giá trị được nhận 55.836.000đ nên ông Nguyễn Ngọc V phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc L1 số tiền 55.836.000đ (*Năm mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng*).

2.5. Các bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người được chia thừa kế bằng tiền là 9.306.000đ nên ông Nguyễn Ngọc V phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Hoàng O, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người 9.306.000đ (*Chín triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*).

2.6. Ông Nguyễn Ngọc V phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị K 3.542.000đ (*Ba triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng*).

**3. Nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm và phúc thẩm**

3.1. Các bà Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 367.000đ (*Ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) và phải hoàn trả cho bà O, phần nghĩa vụ của bà O được trừ vào tạm ứng.

3.2. Bà Nguyễn Ngọc L1 phải chịu 2.202.000đ (*Hai triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng*) và phải hoàn trả số tiền này cho bà O.

3.3. Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu 6.100.000đ (*Sáu triệu một trăm ngàn đồng*) và phải hoàn trả số tiền này cho bà O.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

#### 4. Nghĩa vụ chịu án phí:

4.1. Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu 6.631.000đ (*Sáu triệu sáu trăm ba mươi một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu 465.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 2.250.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001113 ngày 01/12/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N; Hoàn trả cho bà O 1.785.000đ (*Một triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) tạm ứng thừa.

4.3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thu T3, mỗi người phải chịu 465.000đ (*Bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.4. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị K được miễn án phí vì là người cao tuổi.

4.5. Bà Nguyễn Thị Hoàng O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021614 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Các đương sự được chia quyền sử dụng đất theo bản án phúc thẩm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*



Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/9/2021)/.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện N (1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- Các đương sự (12);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA (1);
- Phòng HCTP (1);
- Lưu hồ sơ, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hàng Lâm Viên**